DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

(Kèm theo quyết định số: 1206 ***/QĐ-VPCNCL ngày*** 10 ***tháng 06 năm 2024 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thử nghiệm Điện**
Laboratory:	***Electrical Lab***
Cơ quan chủ quản:	**Công ty TNHH CTIC Vietnam**
Organization:	***CTIC Vietnam Company Limited***
Lĩnh vực thử nghiệm:	**Điện - Điện tử**
Field of testing:	***Electrical - Electronic***
Người quản lý/ Laboratory manager:	***Mr. Bruce Cheung***
Số hiệu/ Code:	**VILAS 788**
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**từ ngày** 10 **/06 /2024 đến ngày 24 /12/2026**
Địa chỉ/*Address*:	**Số 103 G1, đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam** ***No.103G1, Pham Van Dong Road, Anh Dung Ward, Duong Kinh District, Hai Phong City, Vietnam***
Địa điểm/*Location*:	**Số 103 G1, đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam** ***No.103G1, Pham Van Dong Road, Anh Dung Ward, Duong Kinh District, Hai Phong City, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**(+84) 225 3880 588** Fax: **(+84) 225 3880 589**
E-mail:	**info@cticlab.com** Website: **http://www.cticlab.com**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện – Điện tử**

Field of testing: ***Electrical - Electronic***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Kiểm tra các điều kiện chung bằng cách thực hiện các thử nghiệm liên quan: + Thử đảo cực pin /nguồn pin + Thử đồ chơi khi chịu điện áp định mức không thuận lợi nhất + Thử quá tải, thử rơi, thử lực kéo, thử lực kéo cho các đường may và vật liệu bao phủ pin *Check for general conditions by carrying out relevant tests:* *+ Polarity reversal test of battery/ battery source test* *+ Test of toy when subjected at most unfavorable rated voltage* *+ Overload test, drop test, tension test, tension test for seams and material which covering batteries*	Tải trọng: 25 kg đến 3 tuổi 50 kg từ 3 tuổi trở lên Chiều cao ném rơi: 93 cm Lực kéo: 70 N *Weight:* *25 kg up to 3 years* *50 kg for 3 years and up* *Drop height 93 cm* *Tension force 70 N*	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 5 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 5 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 5 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 5 TCVN 11332:2016 Clause 5 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 5
2.		Kiểm tra tiêu chí thử nghiệm rút gọn bằng cách thực hiện các thử nghiệm có liên quan: + Thử năng lượng của nguồn cung cấp + Kiểm tra khe hở không khí *Check for criteria for reduced testing by carrying out relevant tests:* *+ Test the power of supplied source* *+ Check clearance*	Đồ chơi điện tử công suất thấp: Công suất nguồn nhỏ hơn 15 W Khoảng khe hở ≥ 3,8 mm *Low power e-Toys:* *Power source less than 15 W* *Clearance* *≥ 3,8 mm*	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 6 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 6 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 6 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 6 TCVN 11332:2016 Clause 6

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
3.		Kiểm tra cho sự lựa chọn các thử nghiệm bằng cách thực hiện các thử nghiệm liên quan: + Kiểm tra khả năng cách điện bắc cầu của pin + Đo điện áp pin với điện trở 1 Ω *Check for selection of tests by carrying out relevant tests:* *+ Bridging insulation capabilities test of battery* *+ Measurement of battery voltage with 1 Ω of registor*	Điện áp pin ≤ 2,5 V, đo 1 giây với điện trở 1 Ω *Battery Vol ≤ 2,5V, measured 1 s with 1 Ω of registor*	ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 6
4.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Kiểm tra thông tin ghi nhãn và hướng dẫn *Check for marking and instructions*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 7 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 7 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 7 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 7 TCVN 11332:2016 Clause 7 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 7

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
5.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Thử công suất vào *Power input test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 8 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 8 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 8 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 8 TCVN 11332:2016 Clause 8 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 8
6.		Thử phát nóng và hoạt động không bình thường *Heating and abnormal operation test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 9 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 9 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 9 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 9 TCVN 11332:2016 Clause 9 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 9

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
7.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Thử độ bền điện *Electric strength test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 10 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 10 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 10 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 10
8.		Thử độ bền điện ở nhiệt độ vận hành *Electric strength test at operating temperature*	-	TCVN 11332:2016 Clause 10 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 10
9.		Thử độ bền điện ở nhiệt độ phòng *Electric strength test at room temperature*	-	TCVN 11332:2016 Clause 12 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 12
10.		Kiểm tra đồ chơi điện được sử dụng trong nước và chất lỏng bằng cách thực hiện các thử nghiệm liên quan: + Thử đồ chơi dưới nước + Thử đồ chơi có nước đổ đầy vào thùng chứa *Check for electric toys used in water and liquid by carrying out relevant tests:* *+ Test toys under water* *+ Test toys with water filled into container*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 11 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 11 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 11 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 11

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
11.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Thử khả năng chống ẩm *Moisture resistance test*	-	TCVN 11332:2016 Clause 11 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 11
12.		Thử độ bền cơ học *Mechanical strength test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 12 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 12 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 12 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 12 TCVN 11332:2016 Clause 13 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 13
13.		Kiểm tra cấu trúc cơ học *Check for construction*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 13 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 13 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 13 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 13 TCVN 11332:2016 Clause 14 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 14

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
14.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Kiểm tra sự bảo vệ của dây và dây dẫn *Check for protection of cords and wires*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 14 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 14 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 14 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 14 TCVN 11332:2016 Clause 15 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 15
15.		Kiểm tra ngoại quan các thành phần *Check for visual components*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 15 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 15 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 15 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 15 TCVN 11332:2016 Clause 16 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 16

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
16.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Kiểm tra vít và các mối nối *Check for screw and connections*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 16 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 16 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 16 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 16 TCVN 11332:2016 Clause 17 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 17
17.		Đo khe hở không khí và chiều dài đường rò *Measurement of clearances and creepage distances*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 17 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 17 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 17 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 17 TCVN 11332:2016 Clause 18 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 18

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
18.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Thử khả năng chịu nhiệt và chống cháy *Resistance to heat and fire test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 18 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 18 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 18 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 18 TCVN 11332:2016 Clause 19 ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Clause 19
19.		Thử bức xạ và các mối nguy tương tự *Radiation and similar hazards test*		IEC 62115: 2017+COR1:2019 Clause 19 EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 19 BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Clause 19 AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Clause 19 (Exclude Clause 19.E.3 of Annex E; Annex I electromagnetic filed-EMF)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
20.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Kiểm tra tính tuân thủ cho các bộ thử *Check for compliance for experimental sets*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Annex A EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex A BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex A AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Annex A TCVN 11332:2016 Annex A
21.		Thử đốt cháy với ngọn lửa hình kim *Needle-flame test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Annex B EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex B BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex B AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Annex B TCVN 11332:2016 Annex B ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Annex F

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
22.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Thử chu kỳ hoạt động cho điều khiển và công tắc tự động *Operation cycle test for automatic controls and switches*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Annex C EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex C BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex C AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Annex C TCVN 11332:2016 Annex C
23.		Thử ESD (phóng tĩnh điện) đồ chơi điện có mạch điện tử bảo vệ *ESD (electrostatic discharge) test for electric toys with protective electronic circuits*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Annex D (D.2.2 only) EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex D (D.2.2 only) BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex D (D.2.2 only) AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Annex D (D.2.2 only)
24.		Thử đốt cháy với sợi dây nóng đỏ *Glow-wire flame test*	-	ABNT NBR NM 300-6:2004 (E) Annex E, F
25.		Thử độ an toàn của đồ chơi điện kết hợp nguồn bức xạ quang học *Safety of electric toys incorporating optical radiation sources test*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Annex E EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex E BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex E AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Annex E (exclude 19.E.3)

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
26.	**Đồ chơi sử dụng nguồn điện** ***Electric Toys***	Kiểm tra tính tuân thủ an toàn cho điều khiển từ xa đối với đồ chơi cưỡi chạy bằng điện, thực hiện các thử nghiệm liên quan sau: + Kiểm tra tự động dừng khi cắt giao tiếp không dây + Kiểm tra ngăn cản hoạt động lẫn nhau giữa các thiết bị (ảnh hưởng của điều khiển từ xa) + Kiểm tra cảnh báo và khai báo của nhà sản xuất (để tránh ảnh hưởng) *Check compliance for safety of remote controls for electric ride-on toys, to carry out relevant tests:* *+ Check automatic stop upon wireless communication cut-off* *+ Check prevention of mutual operation (influence of remote)* *+ Check warning and manufacturer's declaration (for avoid of influence)*	-	IEC 62115: 2017+COR1:2019 Annex J EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex J BS EN IEC 62115:2020+ A11:2020 Annex J AS/NZS 62115: 2018 + A1:2021 Annex J
27.	**Đồ chơi (dưới 14 tuổi)** ***Toys (under 14 years of age)***	Kiểm tra đồ chơi có thể tháo lắp pin *Check for battery-operated toys*	-	ASTM F963-23 Section 4.25 (exclude 4.25.10.4)
28.		Thử trên động cơ bị đình trệ cho đồ chơi chạy bằng pin *Test on stalled motor for battery-operated toys*	-	ASTM F963-23 Section 8.17
29.		Thử trên đồ chơi có chứa pin tế bào thứ cấp hoặc pin *Toys that contain secondary cells or batteries test*	-	ASTM F963-23 Section 8.19

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
30.	**Sản phẩm điện và điện tử** ***Electric and electronic products***	Thử đốt cháy với sợi dây nóng đỏ *Glow wire test for end products*	-	IEC60695-2-11:2021
31.		Thử đốt cháy với ngọn lửa hình kim *Needle flame test*	-	IEC 60695-11-5:2016
32.		Thử nén viên bi *Ball pressure test*	-	IEC 60695-10-2:2014
33.	**Sản phẩm điện và điện tử** ***Electric and electronic products***	Đo cường độ dòng điện tiếp xúc *Measurement of touch curent*	-	IEC 60990:2016 (Only 5.1.2)
34.		Thử khả năng chịu điện áp cao *Withstand high-voltage test*	-	IEC 61180:2016
35.		Thử miễn nhiễm đối với hiện tượng phóng tĩnh điện *Electrostatic discharge immunity test*	-	IEC 61000-4-2:2008 EN 61000-4-2:2009 BS EN 61000-4-2:2009 TCVN 7909-4-2:2015 GB/T 17626.2-2018
36.	**Sản phẩm điện và điện tử (không tỏa nhiệt)** ***Electric and electronic products (non heat-dissipating specimens)***	Thử nghiệm môi trường Thử nghiệm A: Nhiệt độ thấp *Environmental testing* *Test A: Low temperature*	-	IEC 60068-2-1:2007 TCVN 7699-2-1:2007 GB/T 2423.1-2008
37.		Thử nghiệm môi trường Thử nghiệm B: Nhiệt độ cao *Environmental testing -* *Test B: Dry heat*		IEC 60068-2-2:2007 TCVN 7699-2-2:2011 GB/T 2423.2-2008

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN SỐ 3)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 3)

VILAS 788

Phòng thử nghiệm Điện/ *Electrical Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
38.	**Sản phẩm điện và điện tử** ***Electric and electronic products***	Thử nghiệm môi trường Thử nghiệm Cab: Nóng ẩm, không đổi *Environmental testing* *Test Cab: Damp heat, steady*	-	IEC 60068-2-78:2012 TCVN 7699-2-78:2007 GB/T 2423.3-2016
39.		Thử nghiệm môi trường Thử nghiệm N: Thay đổi nhiệt độ *Environmental testing* *Test N: Change of temperature*	Thử nghiệm Nb *Test Nb*	IEC 60068-2-14: 2009 TCVN 7699-2-14: 2007 GB/T 2423.22-2012
40.		Thử nghiệm môi trường Thử nghiệm Db: Nóng ẩm, theo chu k ỳ (vòng 12 + 12 tiếng) *Environmental testing* *Test Db: Damp heat, cyclic (12 + 12 h cycle)*	-	IEC 60068-2-30: 2005 TCVN 7699-2-30: 2007 GB/T 2423.4-2008

Ghi chú/ *Notes:*

- IEC: Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế/ *The International Electrotechnical Commission*
- EN: Tiêu chuẩn châu Âu/ *European standard*
- BS: Tiêu chuẩn Anh/*British Standard*
- ASTM: Tiêu chuẩn hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*
- AS/NZS: Tiêu chuẩn Úc/ Newzealand/ *Australian/ New Zealand Standard*
- GB/T: Tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc/ *Chinese National Standards*
- ABNT: Hiệp hội tiêu chuẩn kỹ thuật Brazil/ *Associação Brasileira de Normas Técnicas (Brazilian Association of Technical Standards)*
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese National Standards*
- Trường hợp Phòng thử nghiệm Điện, Công ty TNHH CTIC Vietnam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Phòng thử nghiệm Điện, Công ty TNHH CTIC Vietnam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Electrical Lab, CTIC Vietnam Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*